TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 23/11/2018.
"V/v xin không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long;
2. Ông Hoàng Viết Oanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Việt Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 773/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc *"Xin không công nhận là vợ chồng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957

Địa chỉ: 97/40/12 Y, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bạch Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 233/13/26 X, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày nội dung như sau:

Ông và bà Bạch Thị H chung sống với nhau tại địa chỉ: 233/13/26 X, phường T, Tp.Bu, tỉnh Đắk Lắk từ khoảng cuối năm 1987 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, quan điểm sống khác nhau, không tôn trọng lẫn nhau nên từ năm 2001 đến nay ông và bà Bạch Thị H không còn chung sống với nhau. Nay, giữa ông và bà Bạch Thị H không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không công nhận ông và bà Bạch Thị H là vợ chồng.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông và bà Bạch Thị H có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 07/12/1988. Hiện nay cháu C đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Bạch Thị H trình bày:

Bà đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn A. Vào cuối năm 1987 giữa bà và ông A có chung sống với nhau tại địa chỉ: 233/13/26 X, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, quan điểm sống khác nhau, không tôn trọng lẫn nhau nên từ năm 2001 đến nay nên hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không công nhận bà và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng .

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 07/12/1988. Hiện nay cháu C đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định*:**

- Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành tốt quy định pháp luật và có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng như tham gia toàn bộ các phiên họp kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ cuối năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay nguyện vọng của ông Nguyễn Văn Avà bà Bạch Thị H yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Do vậy, tuyên bố ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H không phải là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 07/12/1988. Tuy nhiên, hiện nay cháu C đã trưởng thành, không có bị mất năng lực hành vi dân sự và đã có gia đình riêng, nên không yêu cầu tòa án giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H đều xác nhận trong thời kỳ chung sống với nhau không có tài sản gì, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của ông Nguyễn Văn A.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện Nguyễn Hữu C đã trưởng thành, trên 18 tuổi và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên ông Nguyễn Văn A và bà Bạch Thị H không yêu cầu đặt ra để Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đề cập xem xét để giải quyết.

*** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm***:* Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số

AA/2017/0007939, ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường Thành Công-TP.BMT;
- Các đương sự
- Lưu HS vụ án.